TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **101**/2024/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 14 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 734/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 412 đường B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông U, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 1/5C ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà M, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 412 đường B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông U, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 1/5C ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông U thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 143 do Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N cấp ngày 10/8/2009).

2.2. Về con chung: Bà M và ông U có 02 con chung là T1, sinh ngày 29/12/2008 và T2, sinh ngày 07/01/2008. Hai bên thỏa thuận giao con chung T1 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung cho T2 cho ông U nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Bà M và ông U phải có nghĩa vụ nộp mỗi người 150.000 đồng; Bà M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007823 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THA DS huyện Nhà Bè;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN